

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày 05-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Khắc Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/HSST-QĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 02/2023/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thị L, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1975, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu phố TH, TTVB, huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Phạm Thị X; bị cáo có chồng là Phạm Văn T1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08 tháng 5 năm 2023, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn CT, xã VA, huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Anh Mạch Quý T, sinh năm 1986; đại chỉ: Khu dân cư TH, TTVB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

2- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1953; đại chỉ: Khu dân cư TH, TTVB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến: Anh Phạm Văn N có mặt, anh Phạm Văn H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trần Văn C có 01 lán tôn để ô tô khoảng 30m² dựng trên diện tích đất 90m², địa chỉ tại khu phố TH, TTVB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng được nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T1, sinh năm 1971 là chồng của bị cáo Lê Thị L. Khoảng 14 giờ ngày 10-5-2022, vì bức tức việc ông T1 chuyển nhượng đất cho anh C khi không có ý kiến của mình, bị cáo Lê Thị L đã sử dụng búa, tô vít tháo dỡ 01 cánh cửa của lán tôn trên, do không đủ công cụ nên L đến tìm anh Mạch Quý T và bà Nguyễn Thị L1 nhờ anh T tháo hộ, sau khi tháo dỡ xong sẽ bán vật liệu lại cho anh T, bà L1. Khi anh T và bà L1 đến thấy có Phạm Văn N và Phạm Văn H là con trai của L và ông T1 cũng đang tháo dỡ một phần lán tôn. Sau khi tháo dỡ xong, bị cáo L bán nguyên vật liệu đã tháo cho anh T, bà L1 với giá 10.000đ/1kg, tổng cộng cân được số tôn và sắt là 481kg tương ứng 4.810.000 đồng nhưng anh T, bà L1 chưa trả tiền cho bị cáo L. Ngày 11-5-2022, anh C đến lán phát hiện thấy lán tôn bị tháo mất nên đã đến Công an thị trấn Vĩnh Bảo trình báo. Sau khi biết được lán tôn mua của bị cáo L là của anh C, T đã giao nộp lại cho Công an TTVB toàn bộ nguyên vật liệu đã tháo dỡ từ lán tôn gồm: 01 khung tôn đỏ kích thước 0,93x4,5m; 04 tấm tôn đỏ kích thước 1,07x2,9m; 01 tấm tôn đỏ kích thước 0,5x2,9m; 04 tấm tôn đỏ kích thước 1,07x6,5m; 01 tấm tôn đỏ kích thước 0,5x6,5m; 01 hộp kim loại kích thước 4x8cm dài 6m; 06 hộp kim loại kích thước 4x8cm dài 4,5m; 03 cây sắt tròn đường kính 48cm dài 2,9m; 01 hộp kim loại kích thước 2x5cm dài 1,25m; 01 hộp kim loại kích thước 2x5cm dài 3,18m; 04 cánh cửa kích thước 0,95x2,35m; 01 cánh cửa kích thước 0,63x2,35m; 01 bản mã trục xoay 1,7x0,6cm; 03 chốt sắt bản lề; 03 rào sắt kích thước 0,95x2,35m và 01 ổ khoá đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 03-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo kết luận: giá trị của các nguyên vật liệu cần định giá, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 10-5-2022, cụ thể như sau:

- 01 khung tôn đỏ kích thước 0,93x4,5m có giá trị là 1.750.000 đồng.
- 04 tấm tôn đỏ kích thước 1,07x2,9m có giá trị là 860.000 đồng.
- 01 tấm tôn đỏ kích thước 0,5x2,9m có giá trị là 108.000 đồng.
- 04 tấm tôn đỏ kích thước 1,07x6,5m có giá trị là 1.940.000 đồng.
- 01 tấm tôn đỏ kích thước 0,5x6,5m có giá trị là 240.000 đồng.
- 01 hộp kim loại kích thước 4x8cm dài 6m có giá trị là 310.000 đồng.
- 06 hộp kim loại kích thước 4x8cm dài 4,5m có giá trị là 1.380.000 đồng.
- 03 cây sắt tròn đường kính 48cm dài 2,9m có giá trị là 270.000 đồng.
- 01 hộp kim loại kích thước 2x5cm dài 1,25m có giá trị là 40.000 đồng.
- 01 hộp kim loại kích thước 2x5cm dài 3,18m có giá trị là 160.000 đồng.
- 04 cánh cửa kích thước 0,95x2,35m có giá trị là 5.320.000 đồng.
- 01 cánh cửa kích thước 0,63x2,35m có giá trị là 920.000 đồng.
- 01 bản mã trục xoay 1,7x0,6cm có giá trị là 90.000 đồng.
- 03 chốt sắt bản lề có giá trị là 36.000 đồng.
- 03 rào sắt kích thước 0,95x2,35m có giá trị là 3.000.000 đồng.
- 01 ổ khoá đã qua sử dụng có giá trị là 60.000 đồng.
- Chi phí nhân công xây dựng, lắp ráp những vật liệu thành 01 lán tôn có chiều ngang 4,5m, chiều dài 6,1m, điểm cao nhất 3,45m, điểm thấp nhất 3m là: 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 18.184.000 đồng

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố bị cáo Lê Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, trả cho bị hại, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; về án phí: đề nghị áp

dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6 điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, khung hình phạt: Lời khai của bị cáo Lê Thị L tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, tang vật vụ án đã thu giữ thể hiện nội dung: Khoảng 14 giờ ngày 10-5-2022, tại tại lô đất ở 27, khu tái định cư thuộc khu phố TH, TTVB, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, bị cáo Lê Thị L lợi dụng lúc chủ sở hữu là anh Trần Văn C vắng mặt đã có hành vi lén lút (đối với chủ sở hữu) tháo dỡ và bán nguyên vật liệu của 01 chiếc lán tôn, theo Kết luận định giá tài sản số 26/HĐĐG ngày 03-8-2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Vĩnh Bảo đã kết luận lán tôn mà bị cáo L tháo dỡ chiếm đoạt có tổng trị giá là 18.184.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo Lê Thị L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Thị L đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tội phạm thực hiện là tội ít nghiêm trọng. Tuy nhiên cũng cần xem xét đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị

cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Lê Thị L có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, việc phạm tội là do bộc phát. Căn cứ quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc đề nghị áp dụng các điểm, khoản, điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thị L như Kiểm sát viên đã viện dẫn và đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Lê Thị L làm nghề tự do, không có công việc và thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, trả cho bị hại; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án; bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Trong vụ án: Đối với hành vi giúp sức bị cáo Lê Thị L trong việc tháo dỡ, cân, bán nguyên vật liệu lán tôn của anh Phạm Văn N, anh Phạm Văn H, anh Mạch Quý T và bà Nguyễn Thị L1: Quá trình điều tra xác định N, H, T và L1 không biết động cơ, mục đích hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị L, không biết chủ sở hữu hợp pháp của chiếc lán tôn trên là của anh Trần Văn C. Giữa Hải, N và L trước đó không có bàn bạc việc gì về tháo dỡ và bán lán tôn. Do đó việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn N, Phạm Văn H, Mạch Quý T và Nguyễn Thị L1 là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Thị L 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Lê Thị L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Thị L.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thị L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng PC10, PV06 CATP;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- CQĐT Công an huyện Vĩnh Bảo;
- CQ THA HS Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS H. Vĩnh Bảo;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt